CHUYÊN ĐỀ:

NÂNG CAO KẾT QUẢ TUYỂN SINH 10 – THPT

MÔN NGỮ VĂN THCS

1. Thực trạng kết quả tuyển sinh 10 của huyện những năm gần đây.

+ Kết quả chưa cao so với bình quân chung của tỉnh, đặc biệt ở một số trường vùng sâu vùng xa, hs có hoàn cảnh khó khăn.

+ Các trường có kết quả chưa cao như: Tam lập, An Linh, Trần Hưng Đạo, An Bình

1. Một số nguyên nhân dẫn đến kết quả tuyển sinh môn Ngữ văn thấp.

- Chương trình dàn trải, rộng đến cuối năm, cần phải có thêm thời gian dài rèn luyện buổi 2 mới có hiệu quả.

- Cơ sở vật chất nhà trường còn khó khăn, không có điều kiện để thực hiện dạy giáo án pơwerboll

- Giáo viên dạy khối 9 phải đảm nhiệm nhiều lớp, số lượng bài kiểm tra liên tục. Do đó, không có nhiều thời gian để chuẩn bị.

- Việc dạy hai buổi còn ít so với yêu cầu chung.

- Việc quản lí thời gian hai buổi ở một số trường chưa chặt, thường phó mặc cho giáo viên dạy dẫn đến tình trạng học sinh chưa nghiêm túc, vắng nhiều, thường đi trễ….

- Học sinh thường lười học, ngán học văn, ít tiếp cận với văn bản thành ra không nắm được chắc về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm…

- Các kĩ năng viết văn, viết bài trên lớp còn cẩu thả, chính tả, cách dùng từ đặt câu, dựng đoạn ,diễn đạt …còn yếu

- Một số học sinh yếu kém không được gia đình quan tâm, bố mẹ đi làm ăn xa, điều kiện kinh tế khó khăn…

- Khả năng tự học còn yếu, phần lớn phụ thuộc vào thầy cô, không tự làm bài học bài trước khi lên lớp, bị chi phối thời gian vào các trò chơi không lành mạnh..

III. Một số giải pháp .

1. Với Giáo viên.

* Phân loại học sinh để có phương pháp sát với khả năng của các em.
* Chú ý tới học sinh yếu kém
* Quan sát, chú ý rèn luyện cho học sinh những kĩ năng cơ bản nhất
* Chấm trả bài cụ thể, đánh giá sát yêu cầu,có biện pháp cụ thể phù hợp sau bài kiểm tra.

1. Với học sinh.

* Khắc phục tình trạng lười học.
* Kết hợp chặt chẽ với gia đình để có biện pháp giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn
* Hướng dẫn học sinh cách tự học ở nhà phù hợp nhất.
* Hướng dẫn học sinh cách tự rèn kĩ năng cơ bản.

+ Nghe : 20%

+ nhìn 30%

+Nghe, nhìn 50%

+ Nghe, nhìn, thảo luận 70%

+ Nghe, nhìn, thảo luận,làm 90%

* Mỗi người có một khả năng xử lí thông tin khác nhau, một kiểu tư duy và học tập khác nhau. Vì vậy không thể có một phương pháp nào phù hợp với mọi học sinh, giáo viên phải vận dụng những phương pháp linh hoạt phù hợp với từng học sinh để mang lại hiệu quả cao, đạt được mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng.
* Mỗi giáo viên Ngữ Văn cần phải tự học, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

1. Phương pháp cụ thể
2. Phần văn bản.

* Đọc kĩ tác phẩm: Đọc là khâu vô cùng quan trọng và cần thiết đối với mỗi học sinh khi học môn Ngữ văn. Vì vậy khi học văn bản truyện học sinh cần phải đọc thật nhiều lần, đọc thật kĩ tác phẩm để nắm được nội dung cơ bản hay ý tưởng của nhà văn gửi trong tác phẩm. Với thơ thì cần phải thuộc. Có như vậy khi lên lớp qua sự giảng dạy trên lớp của thầy cô các em sẽ nắm chắc được kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm, nội dung cơ bản, nghệ thuật của văn bản đã học. điều đó sẽ giúp các em tích lũy được kiến thức để có thể đạt điểm trong câu hỏi có tính nhận biết

**2. Phần Tiếng Việt.**

- Học thuộc khái niệm

- Vận dụng được kiến thức đề làm bài tập.

***Tích hợp với chương trình Tiếng Việt***

- Đây là một phương pháp giảng dạy đặc trưng của môn Ngữ văn - tích hợp các phân môn trong quá trình giảng dạy. Việc tích hợp với phân môn Tiếng Việt sẽ giúp học sinh có kĩ năng pháp hiện việc vận dụng các đơn vị kiến thức Tiếng Việt để phân tích, cảm thụ một tác phẩm văn học, một đoạn văn bản. Thực tế hơn, học sinh được rèn luyện kĩ năng thực hiện câu Tiếng Việt trong đề thi tuyển sinh lớp 10.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Kiến thức*** |  | ***Stt*** | ***Kiến thức*** |
| 1 | Thuật ngữ |  | 13 | Từ đồng âm |
| 2 | Sự phát triển của từ vựng |  | 14 | Từ đồng nghĩa |
| 3 | Trau dồi vốn từ |  | 15 | Từ trái ngĩa |
| 4 | Từ đơn |  | 16 | Trường từ vựng |
| 5 | Từ phức |  | 17 | Một số biện pháp tu từ |
| 6 | Thành ngữ |  | 18 | Các thành phần câu |
| 7 | Nghĩa của từ |  | 19 | Liên kết câu và liên kết đoạn văn |
| 8 | Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ |  |  |  |
| 9 | Từ loại |  | 20 | Cụm từ |
| 10 | Thành phần câu |  | 21 | Các kiểu câu |
| 11 | Các phương châm hội thoại |  | 22 | Xưng hô trong hội thoại |
| 12 | Cách dẫn lời nói |  | 23 | Nghĩa của lời nói |

***Ví dụ minh họa:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Ngữ liệu*** | ***Kiến thức*** |
| **1** | Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi  Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui  Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ  Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa.  (Bếp lửa - Bằng Việt)  Trong những từ "nhóm", từ "nhóm" nào thuộc nghĩa gốc, từ "nhóm" nào thuộc nghĩa chuyển? | Kiến thức về sự phát triển của từ vựng (nghĩa gốc, nghĩa chuyển) |
| **2** | Thân em vừa trắng lại vừa tròn,  Bảy nổi ba chìm với nước non.  Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn,  Mà em vẫn giữ tấm lòng son.  (Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)  Xác định một thành ngữ có trong bài thơ. Thành ngữ đó có ý nghĩa gì cho việc thể hiện thân phận của người phụ nữ trong bài thơ? | Kiến thức về thành ngữ. |
| **3** | Vân Tiên nghe nói liền cười:  "Làm ơn há dễ trông người trả ơn.  Nay đà rõ đặng nguồn cơn,  Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.  Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".  (Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu)  Tìm một lời dẫn có trong đoạn thơ. Hãy cho biết lời dẫn đó là ý nghĩ hay lời nói? Là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp? Ý nghĩa của lời dẫn đó là gì? | Kiến thức về cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp. |
| **4** | Cá nhụ cá chim cùng cá đé,  Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,  Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.  Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.  (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận)  Hãy phân tích đặc sắc của một biện pháp tu từ có trong khổ thơ. | Kiến thức về biện pháp tu từ. |
| **5** | Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:  - Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?  Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chụp vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào, nó cầm đũa, gặp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm.  Lời nói của anh Sáu "**Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?** " đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao anh Sáu lại vi phạm phương châm ấy? | Kiến thức về các phương châm hội thoại. |

**3. Phần làm văn.**

* Rèn luyện tạo thành một thói quen.

Hãy yêu cầu các em một tuần viết từ một đến hai bài, đoạn văn(mở bài, kết bài). Viết xong để đấy đi chơi hoặc học bài môn khác, sau hai ba ngày đọc lại để xem và sửa sẽ cảm nhận rất khách quan, và các em sẽ thấy được bài văn của mình còn rất nhiều lỗi. Nhờ sửa những lỗi đó, các em sẽ được caỉ thiện được rất tốt. sau đó các em có thể nhờ bạn viết văn tốt hơn hoặc giáo viên xem lại bài. Lúc đầu có thể các em sẽ rất lười, nhát viết nhưng kiên trì các em sẽ có kết quả tốt và thấy mình tiến bộ hơn ở phần viết văn.

***\*. Các dạng nghị luận xã hội:***

Có 2 dạng học sinh được học trong chương trình TLV lớp 9 là Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống và Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

Với dạng: *Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí* học sinh phải vận dụng nhiều thao tác nghị luận để bày tỏ suy nghĩ, đánh giá, ý kiến nhận xét đúng/ sai của mình về tư tưởng, đạo lí ấy.

**2. Hệ thống câu hỏi tìm ý cho từng dạng đề**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**  (Lưu ý: có sự việc, hiện tượng tốt, tích cực đáng biểu dương, ca ngợi; có sự việc, hiện tượng xấu, tiêu cực cần phê phán, khắc phục | - Đề nêu sự việc, hiện tượng gì trong đời sống?  - Hiện tượng đó có phổ biến không? Mức độ phổ biến đến đâu?  - Làm thế nào để nhận ra sự việc, hiện tượng đó?  - Nguyên nhân của sự việc, hiện tượng đó là gì?  - Tác hại / lợi ích ra sao?  - Làm thế nào để khắc phục, sửa chữa / phát huy, nhân rộng sự việc, hiện tượng ấy?  - Cần đánh giá sự việc ấy như thế nào? |
| **Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí** | - Nội dung tư tưởng, đạo lí cần nghị luận trong đề bài là gì?  - Nghĩa đen, nghĩa bóng của một số từ trọng tâm, của từng vế và của cả câu là gì?  - Tư tưởng đó đúng hay sai? Đạo lí ấy ngày nay có còn ý nghĩa nữa hay không?  - Vì sao đúng? Vì sao sai? Đúng / sai ở mức độ nào? (lí do, nguyên nhân, căn cứ).  - Ý nghĩa của vấn đề là gì? Vấn đề đó được biểu hiện như thế nào trong đời sống?  - Cần liên hệ, mở rộng, so sánh, bổ sung như thế nào?  - Ta phải nhận thức như thế nào là đúng nhất? Từ nhận thức đó, nên có thái độ như thế nào?  - Cần phê phán quan niệm, tư tưởng sai trái gì? |

**Dàn ý chung:**

***Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.***

*\*. Mở bài:* Giới thiệu sự việc, hiện tượng cần bàn luận và mức độ phổ biến của sự việc, hiện tượng.

*\*. Thân bài:*

- Nêu biểu hiện của sự việc, hiện tượng ấy trong đời sống.

- Nguyên nhân : chủ quan, khách quan.

- Phân tích ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đối với đời sống xã hội; mặt lợi, mặt hại (trước mắt, lâu dài; với cá nhân, với cộng đồng. . .)

- Giải pháp: Cách khắc phục, sửa chữa hoặc phát huy, nhân rộng (cụ thể, rõ ràng chứ không chung chung, khẩu hiệu).

*\*. Kết bài:* khẳng định lại vấn đề, rút ra bài học hoặc đưa ra lời khuyên, lời kêu gọi/ liên hệ bản thân***.***

***Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.***

*\*. Mở bài:* Giới thiệu vấn đề nghị luận (nếu là tục ngữ, ca dao, danh ngôn) thì trích dẫn nguyên văn.

*\*. Thân bài:*

- Giải thích vấn đề (nghĩa đen, nghĩa bóng, . . .)

- khẳng định vấn đề đó đúng hay sai và luận giải vì sao, có dẫn chứng đi kèm.

- Nêu ý nghĩa của vấn đề trong thực tế đời sống.

- Bàn luận mở rộng:

+ Phê phán những quan điểm, hành vi sai trái (đặt trong mối quan hệ với vấn đề nghị luận).

+ Những khía cạnh cần bổ sung (nếu có).

*\*. Kết bài:*Khẳng định lại vấn đề, liên hệ bàn thân, rút ra bài học.

- Cho học sinh tiếp cận và làm quen với các kiểu ra đề. Từ đó mà học sinh có kĩ năng phân tích, xác định đúng vấn đề nghị luận và dạng bài sẽ thực hiện. Học sinh được tìm hiểu, làm quen với một số kiểu ra đề như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Đề bài*** | ***Kiểu đề*** | ***Dạng nghị luận*** |
| **Đề 1:**  Có những bạn trẻ chỉ biết mê dán hình thần tượng khắp nơi; chỉ biết đắm chìm trong sở thích của riêng mình...  Họ đâu thấy rằng bên cạnh họ có những người đang vì họ mà vất vả, lo toan; có những người đã dành cho họ bao nhiêu yêu thương, trìu mến;...  Những bạn trẻ ấy đâu biết rằng họ đang ***sống vô cảm ngay trong chính gia đình mình.***  Viết bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên. | Vấn đề nghị luận được trình bày trực tiếp trên đề bài. | Dạng 2 - Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. |
| **Đề 2:**  "....Mẹ hát lời cây lúa để ru con  Cha cày đất để làm nên hạt gạo  Chú bộ đội ngồi trên mâm pháo  Bác công nhân quai búa, quạt lò.    Vì thế nên, lời cha dặn dò  Cũng chưa hẳn đã là đều đúng nhất  Cha mong con lớn lên chân thật  Yêu mọi người như cha đã yêu con". (Thạch Quỳ)  Từ những lời thơ của nhà thơ Thạch Quỳ, hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩa về một bài học mà tâm đắc nhất. | Vấn đề nghị luận được ẩn trong ý nghĩa của một đoạn thơ. | Dạng 1 - Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí. |
| **Đề 3:**  Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp Một vẽ điều gì làm em thích nhất trong đời. Cô giáo nghĩ thầm: "Chắc rồi các em lại vẽ những gói quà, những li kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh tên Đu-lớt: bức tranh vẽ một bàn tay.  Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em đoán: "Đó là bàn tay bác nông dân". Một em khác cự lại: "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật...". Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả bức tranh. Đu-lớt cười ngượng nghịu: "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".  Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi cô thường dùng bàn tay để dắt Đu-lớt bước ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như các trẻ khác, gia cảnh của em từ lâu đã trở nên rất khó khăn. ***Cô chợt hiểu ra***:......  (Quà tặng của cuộc sống, NXB Trẻ, năm 2004)  Viết bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện trên. | Vấn đề nghị luận được ẩn trong ý nghĩa của câu chuyện. | Dạng 1 - Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí. |

 Hướng dẫn học sinh cách viết bài văn mạch lạc. Ngoài việc xác định đúng vấn đề nghị luận và dạng bài nghị luận, học sinh cần phải rèn luyện cho mình nhiều kĩ năng khác để đảm bảo tính mạch lạc, hấp dẫn của bài văn.

          + Bài làm phải đảm bảo bố cục.

          + Lập luận chặt chẽ, mạch lạc, các ý được trình bày theo thứ tự hợp lí.

          + Các ý phải được trình bày, diễn đạt sâu sắc.

          + Dẫn chứng thuyết phục.

          + Tách đoạn hợp lí.

          + Biết cách liên kết các ý.

          + Kĩ năng dùng từ, chọn lọc hình ảnh....

* **NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**
* **NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**- NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)**

phần lớn thời gian để rèn luyện kĩ năng làm bài nghị luận văn học theo ba dạng.

**v Dạng 1:** ***Nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích (nghị luận nhân vật). Ví dụ: Phân tích nhân vật Ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân.***

          § Mở bài:    - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, nhân vật.

                             - Sơ lược về nội dung của tác phẩm.

                             - Chuyển ý.

          § Thân bài:

- Khái quát: trình bày hoàn cảnh sáng tác, tình huống truyện, nội dung, nghệ thuật chính.

 - Phân tích: Học sinh phân tích nhân vật bằng cách xây dựng hệ thống luận điểm (Luận điểm được xây dựng dựa vào những đặc điểm về: ngoại hình, tính cách, hành động, đời sống nội tâm....của nhân vật). Từ đó, phân tích những dẫn chứng - chi tiết trong tác phẩm - để làm rõ những luận điểm.

  - Đánh giá chung: đánh giá thành công về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, sự ảnh hưởng của nhân vật đối với cuộc sống; liên hệ (đến những tác phẩm cùng chủ đề, đến thực tế đời sống).

          § Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa tác phẩm. Tình cảm dành cho tác phẩm.

**Dạng 2:** ***Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.***

***Ví dụ:         Cảm nhận về khổ thơ sau:***

***Mọc giữa dòng sông xanh***

***Một bông hoa tím biếc***

***Ơi con chim chiền chiện***

***Hót chi mà vang trời***

***Từng giọt long lanh rơi***

***Tôi đưa tay tôi hứng.  (Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải***)

          § Mở bài:    - Giới thiệu về tác giả, bài thơ (đoạn thơ).

                             - Sơ lược về nội dung của bài thơ (đoạn thơ).

                             - Trích thơ.

                             - Chuyển ý.

          § Thân bài:

- Khái quát: trình bày hoàn cảnh sáng tác; nội dung, nghệ thuật chính.

  - Phân tích: Học sinh phân tích những giá trị nghệ thuật, nội dung của đoạn thơ. Bài phân tích phải có luận điểm rõ ràng. Luận điểm được xây dựng dựa trên nội dung của từng đoạn thơ, bài thơ.

  - Đánh giá chung: đánh giá thành công về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; sự ảnh hưởng của tư tưởng, chủ đề bài thơ đối với cuộc sống; liên hệ (đến những tác phẩm cùng chủ đề, đến thực tế đời sống).

          § Kết bài:

 - Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa tác phẩm. Tình cảm dành cho tác phẩm.

**Dạng 3:** ***Nghị luận tổng hợp (nghị luận hai đoạn thơ trong hai bài thơ , hai nhân vật trong hai tác phẩm có cùng chủ đề).***

***Ví dụ: Anh thanh niên (Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long) dù rất "thèm người" nhưng vẫn chọn làm việc trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, bốn bề chỉ có mây mù lạnh lẽo để được cống hiến cho đất nước.***

***Thanh Hải (Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải) trong những giây phút cuối đời vẫn khát khao cống hiến cho cuộc đời, đất nước.***

***Hãy phân tích lẽ sống cống hiến trong hai tác phẩm trên. Từ đó, liên hệ đến lẽ sống ấy của con người Việt Nam trong hiện tại.***

          § Mở bài:    - Giới thiệu về hai tác giả, tác phẩm, nhân vật.

                             - Sơ lược về nội dung của hai tác phẩm.

                             - Trích thơ (nếu có)

                             - Chuyển ý.

          § Thân bài:

- Khái quát: trình bày hoàn cảnh sáng tác, tình huống truyện, nội dung, nghệ thuật chính của hai tác phẩm hoặc hai đoạn thơ....

 - Phân tích: Học sinh lần lượt phân tích hai tác phẩm theo những luận điểm nhất định. HS vận dụng kĩ năng xây dựng luận điểm ở dạng 1 và dạng 2 để thực hiện bước phân tích này.

  - Đánh giá chung: phân tích điểm giống nhau, khác nhau về nội dung, nghệ thuật của hai tác phẩm. Sự ảnh hưởng của tư tưởng, chủ đề hai tác phẩm đối với cuộc sống; liên hệ (đến những tác phẩm cùng chủ đề, đến thực tế đời sống).

          § Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa hai tác phẩm. Tình cảm dành cho hai tác phẩm.

**(C) THỜI GIAN ÔN THI TUYỂN SINH LỚP 10: (KHOẢNG 5 TUẦN)**

Nội dung ôn tập:

- Tuần 1:              - Ôn tập phần Tiếng Việt (cả năm)

                             - Ôn tập phần truyện trung đại.

- Tuần 2:              - Ôn tập phần thơ và truyện hiện đại.

- Tuần 3:              - Ôn tập phần thơ và truyện của học kì II.

- Tuần 4, Tuần 5:           - Luyện tập phần Nghị luận xã hội ngắn

                             - Luyện tập phần Nghị luận văn học.

                             - Luyện tập tổng hợp.

                             - Luyện đề.